

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Nhân;

2. Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Long C, xã Long K, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 128, ấp Long A, xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

Anh T có mặt, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- anh Hồ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tìm hiểu, quen nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2003, chung sống đến năm 2004 thì có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, không có tiếng nói chung và sống ly thân từ tháng 8 năm 2009 đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, anh T yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có một người con tên Hồ Văn Th, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2004, hiện đang sống với anh. Nay ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cháu Th và không yêu cầu chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2018 của bị đơn - chị Huỳnh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như anh T trình bày như trên là đúng. Xét thấy tình cảm không còn nên chị cũng chấp nhận ly hôn với anh T và có đơn yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh T có một người con chung như anh T trình bày là đúng, hiện đang sống với anh T. Nay ly hôn, chị đồng ý giao cháu Th cho anh T tiếp tục nuôi và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không vi phạm về tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hồ Văn T đối với chị Huỳnh Thị N. Về con chung: Giao cháu Hồ Văn Th cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Anh T và chị N trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn chị Huỳnh Thị N có địa chỉ: ấp Long A, xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến C theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn chị Huỳnh Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa ra xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N quen biết tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long K, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 7 năm 2004, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường gây gổ không có tiếng nói chung, từ đó dẫn đến cuộc sống trong hôn nhân không hạnh phúc, thời gian ly thân từ tháng 08 năm 2009 cho đến nay đã lâu, nhưng không hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được. Qua lời trình bày của anh T tại phiên tòa, cũng như bản tự khai của chị N phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Do đó, hôn nhân giữa anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T đối với chị N là có cơ sở.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có một người con tên Hồ Văn Th, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2004.

Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cháu Th, lời khai chị N thống nhất giao cháu Th cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh T và chị N đã thống nhất giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nguyện vọng của cháu Th muốn sống với anh T để được đi học. Do đó, để đảm bảo nhu cầu về vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung nên giao cháu Th cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, phù hợp theo qui định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T không có yêu cầu, dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho anh T nghe nhưng anh vẫn giữ nguyên ý kiến. Do đó, ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị N trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến C tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Hồ Văn T. Anh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Văn Th, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2004 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T và chị N trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Hồ Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0021744 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị N không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Chị N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long K;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN HOÀNG MAI